TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LAI VUNG** TỈNH ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35 /2022/HNGĐ-ST
Ngày: 03-8-2022
Về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Huỳnh Thị Bích Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Quang Kim Cúc;

2. Ông Nguyễn Phát Triển.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Trung Vinh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Lai Vung.

Ngày 03 tháng 8 năm 2022 tại hội trường Toà án nhân dân huyện Lai Vung xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2022/TLST- HNGĐ, ngày 06/6/2022, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 318/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 18/7/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Nguyễn T T L, Sinh năm 1991; Địa chỉ: 159A/3 ấp Đ T, xã Đ H, huyện L V, tỉnh Đ T (có mặt);

2. *Bị đơn:* Trương V T, Sinh năm 1983; Địa chỉ: 159A/3 ấp Đ T, xã Đ H, huyện L V, tỉnh Đ T (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo các lời khai có trong hồ sơ cũng như tại phiên toà nguyên đơn Nguyễn T T L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Nguyễn T T L và Trương V T quen biết nhau, sau thời gian tìm hiểu quyết định kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 12/4/2012 tại

Ủy ban nhân dân xã Đ H, huyện LV, tỉnh Đ T. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất vui vẻ, hạnh phúc. Nhưng thời gian về sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không cùng tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vả, Trương V T không lo làm ăn, năm 2017 chị Liễu đã nộp đơn khởi kiện ly hôn, Trương V T hứa thay đổi nên rút đơn khởi kiện nhưng sau đó vẫn không thay đổi, sống chung nhà nhưng mạnh ai nấy sống, Nguyễn T T L nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân với Trương V T nên làm đơn nhất quyết xin ly hôn với Trương V T.

- Về con chung: có 02 con chung tên Trương T Đ, sinh ngày 18/12/2011 và Trương T N, sinh ngày 28/6/2018, Nguyễn T T L yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con, không yêu cầu Trương V T cấp dưỡng nuôi con

- Về tài sản khi ly hôn: Nguyễn T T L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ khi ly hôn: Nguyễn T T L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Theo biên bản hòa giải ngày 06/6/2022 Trương V T trình bày: Về thời gian vợ chồng sống chung, có đăng ký kết hôn, đúng như Nguyễn T T L trình bày, vợ chồng trong thời gian chung sống thường xảy ra mâu thuẫn cải vã nhưng chỉ mâu thuẫn nhỏ, do điện thoại Nguyễn T T L khóa mật khẩu nên anh Thành nghi ngờ Thúy Liễu có quen người khác nên ghen tuông, Trương V T còn thương vợ và con muốn vợ chồng hàn gắn tình cảm, không đồng ý ly hôn với Nguyễn T T L; Về con chung: Trương V T đồng ý giao con Trương T Đ, sinh ngày 18/12/2011 cho Nguyễn T T L được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, anh Trương V T yêu cầu nuôi Trương T N, sinh ngày 28/6/2018, không ai phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Trương V T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyễn T T L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn giữa Nguyễn T T L với Trương V T, đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã Định Hòa, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp cho nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Trương V T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án đến lần thứ hai không có lý do. Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định, vì vậy Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa Nguyễn T T L và Trương V T có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận là vợ chồng. Quá trình chung sống Nguyễn T T L và Trương V T có phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường cự cãi, anh Thành không quan tâm vợ con, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, Nguyễn T T L nhất quyết xin ly hôn. Tại phiên hòa giải ngày 06/6/2022 Trương V T cho rằng vợ chồng chỉ mâu thuẫn nhỏ, muốn vợ chồng hàn gắn đoàn tụ, không đồng ý ly hôn, tại phiên hòa giải anh Thành trình bày ghi đúng như ý kiến anh Thành nhưng anh Thành không đồng ý ký tên vào biên bản và Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật cho Trương V T nhưng anh Thành không đến Tòa án cũng không có hành động gì cụ thể để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử đã động viên nhưng Nguyễn T T L vẫn nhất quyết yêu cầu ly hôn với Trương V T, xét thấy mâu thuẫn của Nguyễn T T L với Trương V T ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn T T L là có căn cứ, đúng theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Có 02 con chung là Trương T Đ, sinh ngày 18/12/2011 và Trương T N, sinh ngày 28/6/2018. Nguyễn T T L yêu cầu tiếp tục nuôi hai con. Trương V T có yêu cầu nuôi Trương T N nhưng Nguyễn T T L không đồng ý, anh Thành cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh yêu cầu nuôi con của mình là có căn cứ, hợp pháp. Nguyễn T T L trực tiếp nuôi con, việc giao con cho ai nuôi phải xem xét điều kiện, nguyên vọng của con, Nguyễn T T L đang trực tiếp nuôi dạy con tốt, có đủ điều kiện nuôi con, nên cần chấp nhận yêu cầu của Nguyễn T T L là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Trương V T không trực tiếp nuôi con, phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình, nhưng Nguyễn T T L không yêu cầu Trương V T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản khi ly hôn: Nguyễn T T L không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ khi ly hôn: Nguyễn T T L không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về tiền tạm ứng án phí, án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của Nguyễn T T L. Nguyễn T T L được ly hôn với Trương V T.

2. Về con chung và cấp dưỡng:

Nguyễn T T L được tiếp tục nuôi con tên Trương T Đ, sinh ngày 18/12/2011 và Trương T N, sinh ngày 28/6/2018. Trương V T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Nguyễn T T L và các thành viên trong gia đình không được cản anh Trương V T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung khi ly hôn.

3. Án phí và tạm ứng án phí sơ thẩm:

Nguyễn T T L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số: 0006158, ngày 03/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 03/8/2022). Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa

thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án này được giao cho họ hoặc được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- CC THADS huyện Lai Vung;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Bích Huyền